

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HS-ST

Ngày: 15 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Ích.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Vui.

Ông Lê Văn Chính.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2023/TLST - HS ngày 23 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Quốc T - Sinh năm 1979 tại tỉnh Nam Định. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Ngày 09/6/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N đã ra Quyết định số 269/QĐ-STNMT tạm đình chỉ công tác đối với Đỗ Quốc T; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1952 và bà Trần Thị H, sinh năm 1955; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm 1984, hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009 (đã chết năm 2018), nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Là Đảng viên Đ. Sinh hoạt tại Chi bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N thuộc Đảng bộ bộ phận Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nam Định, Đảng bộ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh. Ngày 13/6/2023, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các

cơ quan và doanh nghiệp tỉnh N đã ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Đỗ Quốc T.

Bị cáo Đỗ Quốc T bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2023. Hiện đang tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Quang H1 - Sinh năm 1964 tại tỉnh Nam Định. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N; Ngày 09/6/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N đã ra Quyết định số 268/QĐ-STNMT tạm đình chỉ công tác đối với Nguyễn Quang H1; con ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1930, đã chết năm 2020 và bà Trương Thị C, sinh năm 1934; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Tạ Thị N, sinh năm 1975, hiện đang ở xã N, huyện N; có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Quang H1 bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2023. Đến ngày 16/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Ngô Văn T2, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ C, ấp Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ông Nguyễn Văn B ở xóm A, xã N, huyện N sở hữu thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2PL1, bản đồ địa chính xã N lập năm 2002, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004. Diện tích thửa đất là 1.000m²; Trong đó có 270m² đất ở (đất thổ cư), 340m² đất vườn và 390m² đất ao. Năm 2010, ông B bán cho anh Ngô Văn T2 ở tổ C, ấp Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (là cháu ngoại) 180m² đất với giá 20.000.000 đồng. Căn cứ bản đồ địa chính xã N lập 2002 thì diện tích đất ông B bán cho anh T2 là đất vườn ao. Sau khi mua đất, anh T2 đã xây dựng nhà, một tầng diện tích khoảng 100m², đến năm 2021 anh T2 phá nhà cũ đi xây dựng nhà mới 2 tầng diện tích 123,7m². Tháng 5 năm 2022, anh T2 nộp hồ sơ xin tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Đỗ Quốc T là Phó Giám đốc được phân công cùng với Nguyễn Quang H1 là nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N tiến hành đo đạc, thẩm định, lập hồ sơ tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2 và chỉnh lý biên động,

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Thực trạng sử dụng đất ở của hộ ông Nguyễn Văn B đã sử dụng hết 218,3m² cụ thể: Diện tích nhà ở, công trình phụ là 88,4m²; diện tích bếp 42,9m², diện tích sân là 87m². Gia đình ông B chỉ còn lại là 270m² - 218,3m² = 51,7m². Sau khi đo đạc, thẩm định, Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 biết thửa đất của ông B có vi phạm, chưa đủ điều kiện tách thửa nhưng không thông báo cho UBND xã N biết việc sử dụng đất sai mục đích của anh T2; Không tiến hành đo đạc thực trạng sử dụng đất ở của hộ ông Nguyễn Văn B, để từ đó xác định diện tích đất ở còn lại của hộ ông B có đủ điều kiện để dịch chuyển hay không mà chỉ xác định mô mốc, ranh giới diện tích đất tách cho anh Ngô Văn T2. Theo nhiệm vụ được phân công, Nguyễn Quang H1 là người vẽ, lập sơ họa ranh giới, mốc giới thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và trích lục bản đồ địa chính (phụ lục 11, 12, 13) sau đó trình Đỗ Quốc T ký xác nhận nhưng do H1 không biết sử dụng máy vi tính nên sau khi đo đạc, thẩm định xong, Đỗ Quốc T là người trực tiếp thực hiện, hoàn thiện các phụ lục 11, 12, 13 rồi chỉ đạo Nguyễn Quang H1 ký vào mục người trích lục, cán bộ đo đạc. Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 đã chỉnh lý bản đồ địa chính, chuyển dịch 80m² đất thổ cư của ông B sang diện tích đất tách cho anh T2, làm sai lệch hình thể các loại đất của thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2PL1, bản đồ địa chính xã N lập năm 2002 của ông Nguyễn Văn B. Quá trình thẩm định hồ sơ, ngày 23 tháng 6 năm 2022, anh Nguyễn Quốc H3 là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nam Định phát hiện hồ sơ tách thửa của ông B cho anh T2 sai vị trí đất ở so với bản đồ địa chính lập năm 2002 nên đã trả lại hồ sơ. Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 đã hợp lý hóa hồ sơ bằng biên bản thẩm định đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và anh T2, trong biên bản thẩm định chỉ có chữ ký của T và H1, không có chữ ký của chủ sử dụng đất, địa chính xã và xác nhận của chính quyền địa phương. Căn cứ hồ sơ do Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 thiết lập, ngày 12/7/2022, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 391585 cho anh Ngô Văn T2 cùng vợ là chị Nguyễn Thị H2; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 391586 cho ông Nguyễn Văn B cùng vợ là bà Nguyễn Thị U. T đã hưởng lợi bất chính 4.500.000 đồng và H1 hưởng lợi bất chính 500.000 đồng. (Bút lục số: 9-19, 22-23, 24-26, 47-48, 102-126, 173-192, 193-228, 230-282)

Bản cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 về tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân

thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, cụ thể: Đỗ Quốc T có vai trò thứ nhất, Nguyễn Quang H1 giữ vai trò đồng phạm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54 và Điều 58. Đối với bị cáo H1 áp dụng thêm điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Đỗ Quốc T từ 15 (mười lăm) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù. Xử phạt Nguyễn Quang H1 từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N cũng như tại phiên toà các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cụ thể: Tháng 3/2022 T và H1 được cơ quan giao nhiệm vụ tiến hành thẩm định và, lập hồ sơ tách thửa, cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn B và hộ anh Ngô Văn T2. Quá trình thực hiện biết thửa đất của ông B có vi phạm, chưa đủ điều kiện tách thửa nhưng do được “biểu” số tiền 5.000.000đ .T và H1 đã tự chỉnh sửa sơ đồ thửa đất để làm hồ sơ, quá trình thẩm định Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N phát hiện hồ sơ tách thửa của vợ chồng ông B cho vợ chồng anh T2 sai vị trí đất ở so với bản đồ địa chính nên đã trả lại hồ sơ. Sau khi nhận lại hồ sơ T và H1 đã không thực hiện theo đúng thủ tục mà đã tự mình hợp lý hoá lại hồ sơ. Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 đã tác động gia đình khắc phục hậu quả.

Ngân hàng N2 chi nhánh huyện N đã cho vợ chồng anh T2 và chị H2 vay khoản tiền và thế chấp tại ngân hàng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391585 cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp cho ông Ngô Văn T2 và bà Nguyễn Thị H2 cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã tạm giữ. Đại diện Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T2 phải đảm bảo nghĩa vụ đối với khoản vay.

Người có quyền lợi Nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh Ngô Văn T2 chị Nguyễn Thị H2 và vợ chồng ông Nguyễn Văn B bà Nguyễn Thị U đều trình bày; Trong quá trình xin tách thửa, cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mọi người đều không đưa tiền cho T và H1, đã nộp lệ phí cấp đổi nay thu hồi lại thì yêu cầu Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 phải chịu các khoản chi phí để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mọi người.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, và cam kết sẽ chịu toàn bộ chi phí khi làm lại sổ đỏ cho vợ chồng anh T2, chị H2 và vợ chồng ông B bà U. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất có thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Tháng 5/2022, Đỗ Quốc T là Phó Giám đốc và Nguyễn Quang H1 là nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N khi được phân công tiến hành đo đạc, thẩm định, lập hồ sơ tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T2 chị H2 và chỉnh lý biên động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B bà U đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm thủ tục không đúng quy định, thu lợi bất chính 5.000.000 đồng. Hậu quả làm cho thửa đất của ông Nguyễn Văn B bị sai lệch so với bản đồ địa chính xã N lập năm 2002 và hiện trạng sử dụng. Hành vi của bị can Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 đã vi phạm Điều 57 Luật đất đai; Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính; khoản 5 mục I hướng dẫn số 1456/HD-STNMT ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N; Hướng dẫn số 264/HD-VPĐK ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N. Như vậy hành vi của bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 là người có nhân thân

tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo T và H1 đều đã khắc phục hậu quả, tác động gia đình nộp số tiền đã chiếm đoạt vào ngân sách nhà nước; các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo T đã có nhiều năm công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, có thành tích xuất sắc được Bộ trưởng Bộ N3, UBND tỉnh C tặng Bằng khen, Sở ngoại vụ tỉnh Cao Bằng tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; trong quá trình công tác tại Chi nhánh Văn phòng Đ đã có nhiều thành tích được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh; UBND huyện N tặng Giấy khen; bị cáo Nguyễn Quang H1 trong công tác đã có nhiều thành tích được Bộ T4 tặng kỷ niệm chương, sở T tỉnh tặng Giấy khen nên các bị cáo Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bố đẻ bị cáo T là ông Đỗ Văn T1 đã được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, mẹ đẻ của bị cáo được Bộ trưởng Bộ Y tặng Huy chương vì sức khỏe nhân dân; bố mẹ đẻ của bị cáo H1 đã có thời gian tham gia quân đội được tặng thưởng H4, Huy chương nên bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án đối với từng bị cáo: Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; gây thiệt hại về kinh tế và làm ảnh hưởng đến uy tín cho cơ quan, tổ chức. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, xét nhân thân, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng:

[4.1] Đối với bị cáo Đỗ Quốc T mặc dù là người phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; ngoài hành vi phạm tội lần này không có hành vi phạm tội nào khác. Nhưng bản thân bị cáo là người có chức vụ quyền hạn không tự mình làm gương cho cấp dưới, khi hồ sơ bị trả lại không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ mà lại lợi dụng chức vụ làm sai lệch hồ sơ để trục lợi và hưởng lợi nhiều hơn so với bị cáo H1 vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập trung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Quang H1 là đồng phạm trong vụ án phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; ngoài hành vi phạm tội lần này không có hành vi phạm tội nào khác bản thân bị cáo là nhân viên làm theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo và hưởng lợi ít vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục, giúp bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 tại phiên toà cho thấy các bị cáo; phạm tội lần đầu, đã khắc phục hậu quả. Là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391585 cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp cho ông Ngô Văn T2 và bà Nguyễn Thị H2 cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã tạm giữ và đã có văn bản đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh N thu hồi lại (hiện đang lưu trong hồ sơ); và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391586 cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị U cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã tiến hành thu giữ nhưng ông B và bà U không giao nộp thấy cần tiếp tục kiến nghị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh N thu hồi lại.

Đối với tiền 5.000.000 đồng là tiền bị cáo T do người đàn ông không quen biết đưa cho bị cáo T để tác động các bị cáo làm hồ sơ tách thửa cho vợ chồng anh T2, chị H2. Trong đó bị cáo T được hưởng lợi 4.500.000đ, bị cáo H1 hưởng lợi 500.000đ (các bị cáo đã tác động gia đình nộp lại theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 17/08/2023 và ngày 02/10/2023). Do không xác định được người đưa số tiền cho T vì vậy không có căn cứ xử lý hành vi đưa và nhận tiền. Bị cáo T và bị cáo H1 đều xác định đây là khoản hưởng lợi bất chính và tự nguyện nộp lại vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Anh Ngô Văn T2 và chị Nguyễn Thị H2 là người có hồ sơ đề nghị tách thửa và đã nộp chi phí, có yêu cầu Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 phải chịu các khoản chi phí để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, quá trình điều tra đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm rõ các chi phí để xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông B và anh T2 khi bị thu hồi

nhưng đến nay chưa có kết quả nên cần phải tách ra để xử lý bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7.2] Vợ chồng anh Ngô Văn T2 và chị Nguyễn Thị H2 đã thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391585 cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp cho vợ chồng để vay Ngân hàng N2 chi nhánh huyện N. Khi điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã tạm giữ. Đại diện ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T2 phải đảm bảo nghĩa vụ đối với khoản vay. Xét thấy, đây là hợp đồng thế chấp vay tài sản nên cần tách ra để xử lý bằng một vụ án dân sự khác khi Ngân hàng N2 chi nhánh huyện N xác định không đảm bảo khoản vay của anh T2 khi có yêu cầu.

[7.3] Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị U' là người bán đất cho vợ chồng anh T2, chị H2 và bị T và H1 làm sai lệch hiện trạng sử dụng đất so với bản đồ địa chính xã N lập năm 2002. Nhưng ông bà không có yêu cầu bồi thường gì và nhất trí thừa đất của ông bà có 270m² đất thổ cư nay đã sử dụng 218,3m². Còn thừa lại 51,7m² ông bà nhất trí để lại cho vợ chồng anh T2, chị H2. Ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì khác vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[8] Ông Phạm Hồng Q là Chủ tịch UBND xã N và anh Vũ Văn N1 là Cán bộ địa chính xã N không biết việc Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 khi làm thủ tục tách thửa theo hợp đồng mua bán giữa vợ ông B, bà U' với vợ chồng anh T2 chị H2 làm sai lệch thửa đất của ông Nguyễn Văn B và bản thân ông Q và anh N1 cũng không có tư lợi nên không có căn cứ để xử lý.

[8. 1] Đối với ông Cao Văn H5 là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N đã phân công cho Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 thụ lý giải quyết vụ việc nêu trên. Trong quá trình giải quyết hồ sơ T và H1 không báo cáo kết quả công việc cho ông H5 (bản thân T là lãnh đạo đơn vị). Vì vậy ông H5 không biết việc T và H1 làm sai lệch thửa đất của ông Nguyễn Văn B và cũng không có tư lợi nên không có căn cứ để xử lý.

[8.2] Đối với ông Nguyễn Quốc H3, ông Phạm Mạnh H6, ông Đoàn Đại T3 và bà Phạm Thị Phương H7 là nhân viên, lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N được giao kiểm tra tính đồng bộ của hồ sơ, ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng anh Ngô Văn T2 và vợ chồng ông Nguyễn Văn B nhưng không biết việc Đỗ Quốc T và Nguyễn Quang H1 làm sai lệch thửa đất của ông Nguyễn Văn B và cũng không có tư lợi nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Các bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 47; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Quang H1 áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào các Điều 135; 136; 265; 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 phạm tội “Giả mạo trong công tác”;

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 15/11/2023. Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ 09/6/2023 đến ngày 16/8/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Quang H1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. (các bị cáo đã tác động gia đình nộp lại theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 17/08/2023 và ngày 02/10/2023) và đã được Ủy nhiệm chi vật chứng 5.000.000đ từ tài khoản của Công an huyện N sang tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Theo biên bản lập ngày 24/10/2023 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghĩa Hưng.

+ Kiến nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh N thu hồi lại: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391585 cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022 cho ông Ngô Văn T2 và bà Nguyễn Thị H2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391586 cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022 cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Ư. (Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391585 cấp cho ông Ngô Văn T2 và bà Nguyễn Thị H2 đang được

lưu trong hồ sơ vụ án. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 391586 cấp cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị U đang do ông B bà U giữ).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Quốc T, Nguyễn Quang H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị U, anh Ngô Văn T2 và chị Nguyễn Thị H2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục Thi hành án huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã N;
- Bị cáo; người liên quan.
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Trọng Ích